

Viết lại các câu sau bằng cách sử dụng dạng so sánh hơn của các trạng từ trong ngoặc:

Câu 1: She runs _____ than her brother. (fast)

Câu 2: They work _____ in the countryside. (hard)

Câu 3: He arrived _____ than expected. (late)

Câu 4: The artist painted _____ than anyone else. (beautifully)

Câu 5: She spoke _____ in English than her classmates. (fluently)

Câu 6: He sings _____ than his sister. (badly)

Câu 7: This book is _____ than the other one. (interesting)

Câu 8: She reacted _____ than her friend. (quickly)

Câu 9: He drove _____ in the rain. (carefully)

Câu 10: They play _____ than last year. (well)